TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NINH

Bản án số: 33/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 30/6/2023
"V/v Ly hôn, nuôi con chung"

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thúy Hằng
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Sinh
Bà Đỗ Thị Xanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Nhật Lệ - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa*:* bà Lam Thị Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2023, tại Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 19/2023/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 3 năm 2023 về việc: *"Ly hôn, nuôi con chung"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 29/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 5 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 17/2023/QĐST-HNGĐ ngày 15/6/2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* anh Phạm Đức N, sinh năm 1987; địa chỉ: tổ 6, khu 9, phường M, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh, vắng mặt (có đơn xin vắng mặt).

- *Bị đơn:* chị Phạm Thị K, sinh năm 1994; nơi ĐKHK: tổ 6, khu 9, phường M, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh; hiện đang sinh sống tại Đài Loan, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng nguyên đơn anh Phạm Đức N trình bày:* tôi và chị Phạm Thị K đăng kí kết hôn ngày 02/3/2012 tại UBND phường M, thị xã (nay là thành phố) C, tỉnh Quảng Ninh. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc, không có va chạm hay nặng lời với nhau, đã có 2 con chung là Phạm Đức G và Phạm Kiều H. Đến ngày 16/10/2018, tôi đi làm về thì không thấy chị K ở nhà chỉ thấy có một lá thư để trên bàn. Tôi đọc thư thì biết chị K đã rời bỏ gia đình đi theo trai, nhưng nhìn lại hai đứa con còn thơ dại, không muốn con tôi mất đi tình mẫu tử, vì vậy tôi đã tha thứ cho chị K quay về với con cái. Tôi đã gọi điện và nhắn tin nhiều lần nhưng chị K vẫn không quay về. Đến năm 2019, chị K đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan cho đến nay chưa về, tôi nhận thấy chị K đã cố tình bỏ hai con còn thơ dại không còn tình mẫu tử nên tôi không còn tình cảm với chị K. Tôi đã khuyên chị K về Việt Nam để làm thủ tục ly hôn nhưng chị K nói không có điều kiện về Việt Nam, tôi không biết địa chỉ cụ thể của chị K tại Đài Loan do chị K

không cho tôi biết. Tôi yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh giải quyết cho tôi được ly hôn với chị K để ổn định cuộc sống.

- Về con chung: tôi và chị K có 02 con chung là Phạm Đức G, sinh ngày 28/3/2013 và Phạm Kiều H, sinh ngày 18/7/2016. Từ khi chị K bỏ nhà đi, hai con chung do tôi nuôi dưỡng, chị K thỉnh thoảng có gửi tiền cho tôi nuôi con nhưng không đáng kể. Khi Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với chị K, tôi xin được tiếp tục nuôi dưỡng hai con chung đến khi thành niên và không yêu cầu chị K phải cấp dưỡng cho con. Hiện nay tôi đang làm việc tại Công ty môi trường TĐ, lương bình quân 10.000.000 đồng/tháng, các điều kiện khác đều đảm bảo cho việc trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục các con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: tôi không yêu cầu tòa giải quyết.

* Tại Công văn số: 8093/QLXNC-P5 ngày 10/4/2023 của Cục Quản lý xuất nhập cảnh Bộ Công an cung cấp thông tin xuất nhập cảnh của chị Phạm Thị K như sau: từ năm 2019 đến nay, Phạm Thị K sinh ngày 28/10/1994, đã xuất cảnh 01 lần, xuất cảnh gần nhất ngày 26/6/2019, hiện chưa có thông tin nhập cảnh về nước.

*Tại Biên bản lấy lời khai ngày 27/4/2023 của ông Phạm Văn T (là bố đẻ của chị K); địa chỉ: thôn T, xã D, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh cho biết: năm 2018, chị K đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan, hiện tại gia đình vẫn thường xuyên liên lạc với chị K qua mạng Facetime, Zalo. Còn địa chỉ của chị K bên Đài Loan, ông T có hỏi nhưng chị K không nói, nên ông T không biết địa chỉ của chị K tại Đài Loan. Chị K đã biết việc anh N xin ly hôn, chị K thuận tình ly hôn và có bảo bố mẹ tạo điều kiện cung cấp thông tin để Tòa án giải quyết ly hôn của anh N và chị K. Vì lý do vợ chồng anh N – chị K xa cách nhiều năm, tình cảm không còn. Về con chung, chị K không có ý kiến gì vì không thể ở nhà để trực tiếp nuôi con.

* Tại Biên bản lấy lời khai ngày 25/5/2023 của bà Nguyễn Thị L (là mẹ đẻ chị K); địa chỉ: nhà số 02 ngõ 489, phường Q, quận H, thành phố Hải Phòng cho biết: anh N và chị K xây dựng gia đình trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND phường M. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc và có 02 con chung. Đến năm 2018, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, khi mâu thuẫn đến đỉnh điểm chị K bỏ nhà ra đi. Năm 2019, chị K đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan, nhưng chị K không nói cho bà L biết địa chỉ tại Đài Loan. Bà L chỉ liên lạc với chị K qua messenger, Facebook. Bà L được biết Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh đang giải quyết vụ án ly hôn giữa anh N và chị K, bà L đã báo lại cho chị K biết. Do điều kiện ở xa, chị K không thể về Việt Nam để thực hiện thủ tục nhưng chị K có ý kiến đồng ý ly hôn, về con chung đồng ý cho anh N nuôi 02 con cho đến khi trưởng thành. Về tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại Biên bản lấy lời khai ngày 31/5/2023, đối với các cháu Phạm Đức G và Phạm Kiều H (là các con chung của anh N – chị K); địa chỉ: tổ 6, khu 9, phường M, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh, các cháu trình bày: hiện các cháu đang ở với bố và ông bà nội tại tổ 6, khu 9, phường M, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh. Mẹ các cháu đang ở Đài Loan, có thỉnh thoảng gọi điện về hỏi thăm các cháu. Các cháu đều có nguyện vọng được ở với bố và ông bà nội.

*** Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa sơ thẩm:**

- Về tố tụng: kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán; Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án, đã tiến hành các thủ tục tố tụng để giải quyết vụ án theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: đối với các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Phạm Đức N như nêu trên. Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét tại phiên tòa. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh nhận thấy có căn cứ chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh N đối với chị K; giao hai con chung Phạm Đức G, sinh ngày 28/3/2013 và Phạm Kiều H, sinh ngày 18/7/2016 cho anh N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; chị K không phải cấp dưỡng cho con.

Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy:

[1] Về tố tụng: căn cứ đơn khởi kiện, các tài liệu chứng cứ kèm theo đơn khởi kiện và tài liệu chứng cứ thu thập được trong quá trình tố tụng, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là: *"Ly hôn, nuôi con chung"*; bị đơn chị Phạm Thị K hiện đang sinh sống, làm việc tại Đài Loan. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 37 và điểm a khoản 2 Điều 38 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh.

Nguyên đơn anh Phạm Đức N vắng mặt tại phiên tòa, có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; bị đơn chị Phạm Thị K vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án, đã được Tòa án tống đạt hợp lệ cho người thân trong gia đình, niêm yết các văn bản tố tụng tại chính quyền địa phương. Căn cứ Điều 227; Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; hướng dẫn tại Công văn số: 253/TANDTC-PC ngày 26 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân tối cao, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn và công bố các tài liệu, chứng cứ do Tòa án xác minh, thu thập.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: anh Phạm Đức N và chị Phạm Thị K kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 02/3/2012, tại Ủy ban nhân dân phường M, thị xã (nay là thành phố) C, tỉnh Quảng Ninh là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ.

Sau khi kết hôn,vợ chồng anh N và chị K chung sống hạnh phúc tại tổ 6, khu 9, phường M, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh. Đến năm 2018, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, chị K bỏ nhà đi; năm 2019, chị K đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan. Trong thời gian chị K lao động tại Đài Loan, không về thăm gia đình, chồng con, vợ chồng đã sống ly thân từ cuối năm 2018 đến nay, cả hai không còn quan tâm đến nhau nữa. Căn cứ Điều 51 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử xét thấy: anh N và chị K không còn tồn tại đời sống chung vợ chồng,

vợ chồng không thực hiện nghĩa vụ thương yêu, tôn trọng, chăm sóc, quan tâm giúp đỡ nhau cả về vật chất và tinh thần, không còn cùng nhau chia sẻ công việc trong gia đình theo quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của anh N đối với chị K.

[2.2] Về con chung: anh Phạm Đức N và chị Phạm Thị K có hai con chung là Phạm Đức G, sinh ngày 28/3/2013 và Phạm Kiều H, sinh ngày 18/7/2016. Từ khi chị K đi lao động tại Đài Loan và hiện nay, hai con chung do anh N trực tiếp nuôi dưỡng. Anh N yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh N được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng các con chung, không yêu cầu chị K cấp dưỡng cho các con chung. Căn cứ quy định tại Điều 81; Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử đã chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của anh N đối với chị K, hiện nay anh N đang làm việc tại Công ty môi trường TĐ, mức lương bình quân 10.000.000 đồng/tháng và các điều kiện khác đảm bảo cho việc nuôi dưỡng con chung nên có căn cứ chấp nhận yêu cầu, quan điểm của anh N về việc được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con chung khi ly hôn. Chị K có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[2.3] Về nghĩa vụ cấp dưỡng cho con: anh Phạm Đức N không yêu cầu chị Phạm Thị K cấp dưỡng cho con nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[2.4] Về tài sản chung, nợ chung: anh Phạm Đức N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[3] Về án phí: căn cứ quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, anh Phạm Đức N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

[4] Về quyền kháng cáo: các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271; Điều 273 và Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[5] Chấp nhận quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh về nội dung giải quyết vụ án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 37; điểm a khoản 2 Điều 38; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273 và Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Điều 51; Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và khoản 2 Điều 123 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Phạm Đức N.

[1] Về quan hệ hôn nhân: anh Phạm Đức N được ly hôn với chị Phạm Thị K.

[2] Về con chung: giao cho anh Phạm Đức N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai con chung: Phạm Đức G, sinh ngày 28/3/2013 và Phạm Kiều H sinh ngày 18/7/2016 cho đến khi thành niên (đủ 18 tuổi). Chị Phạm Thị K không phải cấp dưỡng cho con.

Sau khi ly hôn, chị Phạm Thị K có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; nếu chị Phạm Thị K lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì anh Phạm Đức N có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con. Hoặc nhận thấy anh Phạm Đức N không đủ điều kiện bảo đảm quyền lợi ích của con thì chị Phạm Thị K có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: anh Phạm Đức N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về án phí: anh Phạm Đức N phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0016174 ngày 24/3/2023 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ninh.

Án xử công khai sơ thẩm, báo cho: anh Phạm Đức N biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết theo quy định của pháp luật; chị Phạm Thị K biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Quảng Ninh;
- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- Cục THADS tỉnh Quảng Ninh;
- UBND phường M, Tp. C, tỉnh Quảng Ninh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Thúy Hằng

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Sinh Đỗ Thị Xanh **Nguyễn Thúy Hằng**